

Bản án số: 13/2024/HS-ST
Ngày 24 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Ông Nguyễn Minh Trọn

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Bà Võ Thúy Nhị - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Trung T, sinh năm 1993 tại Cà Mau. Nơi cư trú: Khóm S, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh H và bà Dương Hồng C; chưa có vợ và con; tiền án: Không, tiền sự: Ngày 20/12/2023 bị Công an thị trấn N, huyện N xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chưa chấp hành; bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/4/2024 đến ngày 05/5/2024 chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 15 phút, ngày 28 tháng 4 năm 2024, Công an huyện P kết hợp với Công an xã P tiến hành kiểm tra Lê Trung T đang đứng trước nhà ông Lê Văn Ú thuộc ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau thì phát hiện bên trong túi quần phía bên phải có 01 bọc nilon màu trắng trong chứa tinh thể rắn màu trắng nghi là ma túy nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong thu giữ. Qua làm việc Lê Trung T thừa nhận bọc nilon bị thu giữ là ma túy đá do T

mua của một người thanh niên không rõ lý lịch để sử dụng, khi vừa về tới nhà ông Ú thì bị phát hiện, bắt giữ.

Tại kết luận giám định số 241/KL-KTHS ngày 03/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh C kết luận: Tinh thể màu trắng bên trong 01 bọc nilon màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,2292 gam, loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số: 14/CT-VKS ngày 24/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân truy tố bị cáo Lê Trung T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Trung T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Trung T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì hoàn mẫu số 241/KL – KTHS ngày 03/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh C.

Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định.

- Bị cáo trình bày: Đồng ý với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận vào khoảng 16 giờ 15 phút, ngày 28/4/2024, bị cáo có hành vi tàng trữ 01 bọc nilon có chứa chất ma túy trước nhà ông Lê Văn Ú thì bị lực lượng Công an phát hiện và lập biên bản thu giữ.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với kết luận giám định và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Do đó có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Lê Trung T đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đã truy tố.

[3] Về trách nhiệm hình sự: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe của con người, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích sử dụng để thỏa mãn nhu cầu về ma túy cho bản thân, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

[4.1] Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tuy nhiên bị cáo có 01 tiền sự: Ngày 20/12/2023 bị Công an thị trấn N, huyện N xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chưa chấp hành, mặc dù hành vi này không xem là tình tiết tăng nặng nhưng cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo rất kém. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, biết tuân thủ pháp luật đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Về xử lý vật chứng: 01 phong bì hoàn mẫu số 241/KL – KTHS ngày 03/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh C được niêm phong kín, có chữ ký, ghi họ tên Dương Hải Đ (giám định viên); có chữ ký và ghi họ tên Đỗ Phương N (người niêm phong) và hình dấu tròn của Phòng K Công an tỉnh C. Bên trong gồm: Phong bì hình chữ nhật; Bọc ni lông màu trắng dùng để chứa tinh thể màu trắng. Đây là mẫu vật hoàn lại sau giám định thuộc đối tượng cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng là có căn cứ, được chấp nhận.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 47; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Trung T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về trách nhiệm hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Trung T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29 tháng 4 năm 2024.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì hoàn mẫu số 241/KL – KTHS ngày 03/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh C được niêm phong kín, có chữ ký, ghi họ tên Dương Hải Đ (giám định viên); có chữ ký và ghi họ tên Đỗ Phương N (người niêm phong) và hình dấu tròn của Phòng K Công an tỉnh C. Bên trong gồm: Phong bì hình chữ nhật; Bọc ni long màu trắng dùng để chứa tinh thể màu trắng.

(Hiện vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24/6/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân).

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Công an huyện Phú Tân;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

